

CHỐNG SUY GIẢM KINH TẾ

Lấy đầu tư & đổi mới công nghệ làm mũi đột kích

Th.S. ĐỖ THIÊN ANH TUẤN

Đặt vấn đề

Cho đến nay, trọng tâm của chương trình kích cầu của Chính phủ vẫn được tập trung vào chính sách hỗ trợ lãi suất 4% dành cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh. Mục đích của chính sách này là nhằm giúp giảm giá thành sản phẩm hàng hóa, duy trì sức sản xuất của nền kinh tế và tạo việc làm cho người lao động, trong điều kiện nền kinh tế bị tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới. Đây là một chính sách cần thiết và kịp thời, thể hiện tính chủ động của Chính phủ trong việc ứng phó với khủng hoảng kinh tế. Nhiều người, trong đó có cả giới lãnh đạo, đặt nhiều kỳ vọng chính sách này có thể giúp các doanh nghiệp vượt qua được những khó khăn hiện thời, qua đó duy trì sức phục hồi và tạo đà tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên chúng tôi cũng đặt câu hỏi liệu chỉ với chính sách này có đủ không khi nó không có khả năng tạo ra được đòn bẩy để các doanh nghiệp có thể tăng trưởng tốt hơn trong dài hạn khi cuộc khủng hoảng hiện nay qua đi. Chống suy giảm kinh tế trong điều kiện nền kinh tế mới hội nhập như Việt Nam không nên chỉ tập trung vào các biện pháp tình thế có tính ngắn hạn mà còn phải hướng đến những giải pháp căn cơ có tính dài hạn hơn. Theo đó, các chính sách của Chính phủ cần phải hướng vào việc khắc phục những yếu kém nội tại của nền kinh tế nói chung, hệ thống các doanh nghiệp nói riêng; xây dựng, củng cố và phát huy năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp để đón đầu phục hồi kinh tế.

Nhiều số liệu thống kê và nghiên cứu từ trước đến nay đều thừa nhận rằng hệ thống doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), tồn tại rất nhiều yếu kém, trong đó nổi bật là yếu tố trình

độ công nghệ. Do trình độ công nghệ lạc hậu làm cho giá thành sản phẩm tăng cao, chất lượng sản phẩm kém, gây ô nhiễm môi trường và làm suy giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phân tích của chúng tôi cho rằng đây là thời điểm tốt nhất để Chính phủ có những chính sách cần thiết nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư và đổi mới công nghệ, hiện đại hóa các thiết bị sản xuất, qua đó góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, tạo đà cho tăng trưởng bền vững hơn trong giai đoạn hậu khủng hoảng.

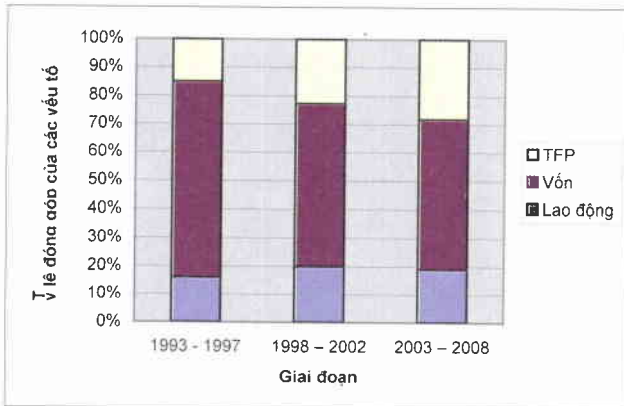
Từ vai trò của tiến bộ công nghệ đến ý tưởng về mặt chính sách

Từ mô hình tăng trưởng kinh tế tân cổ điển (neo-classical growth model) đến các mô hình tăng trưởng nội sinh (endogenous growth model) đều



chứng minh rằng chỉ có tiến bộ công nghệ và giáo dục mới là yếu tố cốt lõi mang lại sự tăng trưởng kinh tế bền vững cho các quốc gia. Nhiều nghiên cứu ở Việt Nam thời gian qua dựa vào phương trình hạch toán tăng trưởng cho thấy mức đóng góp chính vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chủ yếu là vốn và lao động, trong khi yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) chỉ đóng một vai trò thứ yếu. Cụ thể trong giai đoạn 1993 đến 1997, tỷ trọng đóng góp của vốn và lao động chiếm đến 85% trong tăng trưởng GDP; giai đoạn từ 2003 đến nay, tỷ trọng đóng góp của TFP tăng lên đạt mức 28,2%, nhưng nhìn chung vẫn còn rất thấp so với các nước trong khu vực và đặc biệt so với yêu cầu của tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với hội nhập kinh tế quốc tế.

Hình 1. Đóng góp của các yếu tố vốn, lao động và năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ năm 1993 đến nay



Nguồn: Tính toán từ các số liệu của Tổng cục Thống kê

Nhiều phân tích cho rằng Việt Nam có vẻ như đang đi lại con đường trước đây mà những “con hổ” Đông Á đã đi qua. Con đường đã đưa đến sự thần kỳ cho các nước Đông Á về tăng trưởng kinh tế, mang đến sự ngưỡng mộ và bài học cho nhiều nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên cũng có không ít hoài nghi rằng liệu mô hình đó có còn thích hợp trong giai đoạn hiện nay và/hoặc thích hợp với điều kiện Việt Nam – một nước Đông Á khác – hay không?

Trong một bài viết mang tên The Myth of Asia’s Miracle (Huyền thoại về Sự Thần kỳ của châu Á) được viết cách đây hơn 15 năm, trước khi cuộc khủng hoảng Đông Á nổ ra, Paul Krugman – nhà kinh tế đạt giải Nobel năm 2008 và được mệnh danh là “nhà cảnh báo khủng hoảng” thế giới – đã cho rằng chẳng có sự thần kỳ nào ở

Đông Á cả vì sự tăng trưởng của Đông Á chủ yếu dựa vào đầu tư lớn về vốn và lao động mà không phải do tăng năng suất các yếu tố tổng hợp nên sẽ không thể bền vững. “Nhà cảnh báo khủng hoảng” thế giới có vẻ như đang “cảnh báo” những sai lầm mà những nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, có thể mắc phải khi lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế. Điều này cũng cho thấy thách thức mà Việt Nam đang đối mặt là phải chuyển hướng mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào đầu tư vốn và tận dụng lao động rẻ của mình sang mô hình dựa vào năng suất và công nghệ.

Những phân tích trên gợi ý cho Việt Nam nhiều ý tưởng về mặt chính sách. Với chính sách kích cầu hiện nay đã tạo cho kinh tế Việt Nam một bộ phận tăng trưởng và phần việc tiếp theo là cần phải xây dựng lên trên đó một quả tên lửa. Quả tên lửa ấy không phải gì khác chính là khoa học và công nghệ. Phần tiếp theo chúng tôi sẽ đưa ra một số lý do giải thích vì sao Việt Nam, bên cạnh các chính sách kích cầu đầu tư và tiêu dùng hiện hành, cần có thêm một chính sách “kích” đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

Bức tranh công nghệ Việt Nam

Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam (cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài) nhìn chung là lạc hậu. Theo đánh giá của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) thì có đến 76% máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất của các doanh nghiệp trong nước thuộc thế hệ những năm 50 – 60 của thế kỷ trước; 75% thiết bị đã hết khấu hao và 50% là đồ tân trang. Thiết bị hiện đại chỉ ở mức 10%, trung bình chiếm 38%, còn lạc hậu và rất lạc hậu chiếm hơn 52%.

Đặc biệt, theo một cuộc khảo sát gần đây của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM tại 12 khu công nghiệp (KCN) và khu chế xuất (KCX) cho thấy số doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất lạc hậu chiếm đa số với 51%. Đối với đối tượng là doanh nghiệp nước ngoài, dây chuyền sản xuất có tuổi thọ trên 20 năm chiếm 2%, khoảng 10 – 20 năm là 23%, khoảng 3 – 10 năm là 56% và dưới 3 năm là 18%. Còn đối với doanh nghiệp trong nước, số doanh nghiệp có dây chuyền sản xuất trên 20 năm chiếm 2%, khoảng 10 – 20 năm chiếm 12%, khoảng 3 – 10 năm là 62% và dưới 3 năm là 21%. Tỷ lệ doanh nghiệp đạt mức độ tự động hóa hoàn toàn chiếm 25%, bán tự động chiếm

60%, 15% còn lại chỉ đạt mức thủ công cơ khí. Do nhiều doanh nghiệp có trình độ công nghệ lạc hậu nên tỷ lệ doanh nghiệp đạt mức độ tự động hóa hoàn toàn cũng chỉ chiếm 25%, bán tự động 60%. Ngoài ra, số doanh nghiệp chỉ đạt mức độ thủ công cơ khí cũng chiếm một tỷ lệ không nhỏ là 15%. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, có đến 10% các doanh nghiệp tại các KCN – KCX nói trên mua lại thiết bị với giá trị kỹ thuật chỉ còn dưới 50%.

Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) trong Báo cáo cạnh tranh toàn cầu 2008-2009 đã xếp năng lực cạnh tranh của Việt Nam (chỉ số GCI) thứ 70 trong tổng số 134 quốc gia, với 4,1 điểm. Riêng hệ số cạnh tranh về công nghệ, Việt Nam xếp thứ 79, với 3,12 điểm. Trong khi đó Malaysia: 4,41 điểm; Thái Lan: 3,37 điểm; Philippines: 3,26 điểm. Trình độ công nghệ sử dụng thấp kéo theo năng suất lao động xã hội thấp. Nếu coi năng suất lao động xã hội của Việt Nam bằng 1, thì Trung Quốc bằng 1,73, Thái Lan là 3,63 và Singapore là 39,05.

Mặc dù trình độ công nghệ lạc hậu nhưng chi phí dành cho nghiên cứu và phát triển (R&D), đầu tư và đổi mới thiết bị, công nghệ của các doanh nghiệp là rất thấp. Kết quả khảo sát 1.200 doanh nghiệp Việt Nam của Tổ chức hợp tác kỹ thuật

năm 2007, các hoạt động R&D ở Singapore đã được đẩy mạnh, mà đi đầu là khu vực tư nhân (tăng 28,6%), trong đó ngành chế tạo chiếm tới 70% tổng chi phí R&D của khu vực tư nhân.

Các thống kê khác Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cũng cho thấy, hiện nay đầu tư cho khoa học và công nghệ ở Việt Nam cũng chỉ chiếm khoảng 2% tổng chi ngân sách hàng năm, tương đương với 0,56% GDP, thấp hơn so với của Trung Quốc là 1% và Hàn Quốc là 5,5%. Đầu tư cho khoa học và công nghệ trên đầu người ở Việt Nam năm 2007 là khoảng 5 USD, ở Hàn Quốc là khoảng 1.000 USD, còn ở Trung Quốc năm 2004 là khoảng 20 USD, gấp 5 lần so với Việt Nam. Tỷ lệ đầu tư của Trung Quốc cho khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước so với khu vực ngoài nhà nước khoảng 1: 3, còn Việt Nam thì ngược lại khoảng 5: 1.

Đã đến lúc tăng đầu tư cho công nghệ?

Thực trạng trên cho thấy sự cần thiết phải gia tăng vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ của nhà nước, cũng như có các ưu đãi chính sách khác nhằm khuyến khích các doanh nghiệp khu vực tư nhân mạnh dạn đầu tư công nghệ trong điều kiện hiện nay nếu muốn nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại toàn cầu hóa.

Một lý do khác giải thích vì sao đây là thời điểm tốt nhất để Việt Nam đưa ra các chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, đó là giá các thiết bị và công nghệ hiện nay đã giảm đáng kể do sự dư thừa tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Nhiều nhà sản xuất và chế tạo thiết bị trên thế giới đang gặp khó khăn trong tiêu thụ các sản phẩm của họ. Nhiều chính sách giảm giá với những điều khoản thanh toán và khuyến mãi hấp dẫn đang được các công ty này chào mời trên các

website quảng cáo. Rõ ràng đây chính là cơ hội hiếm có để Việt Nam đầu tư đổi mới và nâng cấp công nghệ sản xuất với chi phí thấp nhằm thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên phải lưu ý rằng đây không chỉ là cơ hội dành cho Việt Nam mà cho tất cả các nước khác. Vấn đề chính nằm ở chỗ chỉ những nước nào, doanh nghiệp nào có chính sách hợp lý và kịp thời thì cơ hội mới đến với họ mà thôi.

Bên cạnh đó, theo lộ trình hội nhập vào WTO

Bảng 1. Bảng xếp hạng chỉ số GCI các nước trong khu vực năm 2008

Quốc gia/ Nền kinh tế	Xếp hạng		Điểm số	Xếp hạng
	GCI 2008	GCI 2008		
Singapore	5	5.53	7	
Hồng Kông	11	5.33	12	
Hàn Quốc	13	5.28	11	
Đài Loan	17	5.22	14	
Malaysia	21	5.04	21	
Trung Quốc	30	4.70	34	
Thailand	34	4.60	28	
Brunei	39	4.54	n/a	
Indonesia	55	4.25	54	
Việt Nam	70	4.10	68	
Philippines	71	4.09	71	
Cambodia	109	3.53	110	

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế Thế giới, 2008.

Cộng hòa Liên bang Đức (GTZ) gần đây cho thấy chỉ có khoảng 0,1% doanh thu hàng năm được doanh nghiệp dành cho nghiên cứu và phát triển để tạo ra sản phẩm mới và đổi mới công nghệ, thiết bị. Trong khi đó, ở Ấn Độ con số này là 5%, Hàn Quốc là 10%. Mới đây, Cơ quan Khoa học, Công nghệ và Nghiên cứu (A-STAR) của Singapore đã công bố kết quả một cuộc khảo sát cho thấy tổng chi phí cho hoạt động R&D của nước này trong năm 2007 đạt mức kỷ lục 6,3 tỷ đôla Singapore, tăng 26,5%, trong khi năm 2006 chỉ tăng 9,3%. Trong

thì việc can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế sẽ được xoá bỏ dần. Chính phủ sẽ khó khăn hơn khi muốn hỗ trợ hay có những chính sách can thiệp nhằm bảo vệ lợi ích hay giảm những tổn thương cho các doanh nghiệp trong nước bởi rào cản quy chế tối huệ quốc hay đãi ngộ quốc gia trong khuôn khổ WTO. Đây cũng là một điểm khác giữa yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay so với nhiều nước Đông Á trước đây. Chính vì lẽ đó, đây chính là thời điểm tốt để chính phủ làm những thứ cần làm, hỗ trợ những thứ cần hỗ trợ trong khuôn khổ WTO và các cam kết quốc tế khác. Cũng trong khuôn khổ WTO, đổi mới công nghệ và thiết bị sẽ giúp các doanh nghiệp chuẩn hóa sản phẩm, quy trình sản xuất và quản lý theo các tiêu chuẩn đã được cam kết theo lộ trình của chính phủ. Tại các nước phát triển, việc áp dụng công nghệ cao, tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và phát triển bền vững được sử dụng như một công cụ hợp pháp, nhằm tạo ra rào cản hạn chế các sản phẩm được sản xuất bằng công nghệ cũ, lạc hậu, không thoả mãn các tiêu chí khi xâm nhập vào các thị trường này. Đây chính là hàng rào bảo hộ mới mà nhiều nước phát triển dựng lên thay thế cho các hàng rào bảo hộ truyền thống như thuế quan hay hạn ngạch đã dần trở nên lỗi thời. Do đó, nếu các doanh nghiệp Việt Nam không chủ động đầu tư đổi mới công nghệ ngay bây giờ thì không những sẽ gặp bất lợi khi phải cạnh tranh về mặt năng suất, chất lượng và giá cả mà còn phải đối mặt với các hàng rào bảo hộ kỹ thuật mới.

Cuối cùng, cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay một mặt làm phá sản hoặc ít hơn thì cũng làm suy yếu vị thế của nhiều doanh nghiệp, trong đó có nhiều đối thủ cạnh tranh lớn của các doanh nghiệp Việt Nam. Điều này có thể tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam bức phá nếu vượt qua được giai đoạn khó khăn hiện nay và biết đầu tư cho công nghệ. Tuy nhiên khó khăn cũng làm cho nhiều doanh nghiệp rất ngại đổi mới công nghệ vì hiệu quả của nó không dễ nhìn thấy. Không ít các doanh nghiệp Việt Nam có quy mô nhỏ, hoạt động không chuyên nghiệp và thường chỉ quan tâm đến những lợi ích ngắn hạn mà không tự tin đầu tư cho tương lai. Lịch sử chỉ trả “lương” cho người nào dám chấp nhận thử thách. General Electric và DuPont là hai trong nhiều ví dụ như



thế. Trong Đại Suy thoái 1929, cũng như nhiều công ty khác, GE và DuPont cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức lớn. Tuy nhiên, sự khác biệt được tạo ra ở các công ty này khi họ dám mạnh dạn đầu tư cho R&D và kết quả không những giúp họ vượt qua được giai đoạn khủng hoảng tồi tệ nhất trong lịch sử kinh tế lúc bấy giờ mà còn tạo ra những kỳ tích trong tăng trưởng, đưa tên tuổi của họ trở thành những “gã khổng lồ” của thế giới.

Thẳng thắn mà nói những bất ổn kinh tế Việt Nam hiện nay đến từ cả những yếu kém bên trong lẫn những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới từ bên ngoài. Không một quốc gia nào trên thế giới hiện nay có thể tránh được “con bão” tồi tệ nhất trong lịch sử kinh tế kể từ cuộc Đại Suy thoái 1929 – 1933. Có chăng là những tác động ít hay nhiều khác nhau tùy vào sức đề kháng của mỗi nền kinh tế. Nếu như nền kinh tế Việt Nam không mắc phải những yếu kém có tính nội tại về mặt cơ cấu thì mức độ tác động có thể sẽ ít nghiêm trọng hơn. Trong một thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, Việt Nam cũng như nhiều nước khác không thể tự giải quyết được những khó khăn chung của



cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Để giải quyết được cuộc khủng hoảng hiện nay, các nước phải tìm được tiếng nói chung trong các chính sách. Điều này rất quan trọng bởi vì nó không chỉ giúp các nước giảm đi rất nhiều các nguồn lực dành cho việc khắc phục khủng hoảng mà còn làm cho các chính sách trở nên hữu hiệu hơn. Tuy nhiên những yếu kém nội tại của mỗi nền kinh tế thì tự thân mỗi nước phải giải quyết lấy. Việt Nam cũng vậy, phải xem khó khăn hiện nay là cơ hội mà cũng là động lực để chúng ta đổi mới mạnh mẽ hơn, toàn diện hơn và triệt để hơn, trong đó phải lấy đổi mới công nghệ làm mũi đột kích.

Một số đề xuất chính sách ngắn hạn

Từ những phân tích trên, chúng tôi đưa ra một số gợi ý về mặt chính sách nhằm “kích” đầu tư công nghệ trong ngắn hạn như sau:

– Mở rộng phạm vi và đối tượng cho vay vốn ưu đãi theo Quyết định số 131 và 443 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, phạm vi cho vay vốn không chỉ là vốn lưu động ngắn hạn mà còn là vốn đầu tư dài hạn, trong đó đặc biệt ưu tiên đối với vốn đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa các trang thiết bị sản xuất của các doanh nghiệp.

Quyết định 443 của Thủ tướng Chính phủ đã thể hiện được tầm nhìn dài hạn hơn trong các chính sách chống suy giảm kinh tế hiện nay của Việt Nam. Tuy vậy, chính sách này nhìn chung vẫn chưa thể hiện được sự quan tâm đặc biệt của chính phủ đối với yêu cầu đầu tư và đổi mới công nghệ. Theo chúng tôi, chính phủ nên ban hành một chính sách riêng để một mặt thể hiện tầm quan trọng và tính cấp thiết của chính sách, mặt khác để có thể đưa ra các quy định cụ thể, rõ ràng và toàn diện hơn. Chính sách không những phải xác định rõ đối tượng, phạm vi và điều kiện được nhận ưu đãi mà còn cần phải xây dựng một lộ trình ưu đãi nhất định, trong đó thời hạn ưu đãi lãi suất có thể kéo dài từ 2 đến 5 năm với các mức hỗ trợ lãi suất giảm dần. Mức hỗ trợ lãi suất cũng khác nhau tùy theo ngành nghề và lĩnh vực sản xuất nhằm điều tiết việc phân bổ nguồn lực, phù hợp với định hướng cấu trúc và trình độ công nghệ giữa các ngành kinh tế khác nhau.

– Nhìn chung trong số các loại hình doanh nghiệp thì SMEs thường có trình độ công nghệ lạc hậu hơn cả. Trong khi đó do nguồn lực tài chính yếu lại thiếu khả năng trong tiếp cận vốn ngân hàng nên việc đầu tư đổi mới công nghệ của các SMEs luôn gặp nhiều khó khăn lớn. Chính phủ nên có một chính sách ưu đãi riêng về vốn cũng như các điều kiện về thủ tục tiếp cận vốn, điều kiện bảo lãnh vay vốn đặc thù cho SMEs. Theo đó cần phải phát huy vai trò của các quỹ bảo lãnh tín dụng SMEs, vai trò bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB), đặc biệt cần phát huy vai trò của các hiệp hội ngành nghề. Các ngân hàng nên có chính sách cho vay tín chấp đối với một số khách hàng có uy tín, có dự án đầu tư công nghệ tốt dưới sự bảo lãnh của các hiệp hội ngành nghề.

– Cũng giống như chính sách kích cầu hiện nay, chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ của chính phủ cũng có khả năng bị lợi dụng do thông tin bất cân xứng. Chẳng hạn các doanh nghiệp sẽ chỉ đầu tư các công nghệ có trình độ thấp, công nghệ không đạt chuẩn, tiêu hao nhiều nhiên liệu, gây ô nhiễm môi trường, kê khai khống giá công nghệ hoặc chuyển giao công nghệ lẫn nhau để nhận được vốn hỗ trợ của chính phủ. Do đó, nhằm loại trừ hoặc hạn chế khả năng này, bên cạnh việc chính sách cần phải đưa ra các tiêu chí cấp tín dụng rõ ràng thì mục đích sử dụng vốn và



nghệ tại các tổ chức đầu mối như các hiệp hội nghề nghiệp, các trường đại học, viện nghiên cứu công nghệ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)... Mời những chuyên gia, những người có hiểu biết và thông tin về các nhà cung cấp thiết bị, công nghệ có uy tín trên thế giới. Các tổ đội này sẽ tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn thiết bị, công nghệ thích hợp; lựa chọn nhà cung cấp, lựa chọn các hợp đồng và phương thức thanh toán phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn lắp đặt, vận hành và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp.

– Bên cạnh đó phần nhiều doanh nghiệp Việt Nam là SMEs không đủ khả năng lập dự án vay vốn thuyết phục trình cho ngân hàng để nhận được sự hỗ trợ. Do đó, cần hình thành các tổ tư vấn hoàn thiện các thủ tục vay vốn ngân hàng, hỗ trợ lập dự án đầu tư, thẩm định các dự án đầu tư,

dự án đầu tư công nghệ phải được thẩm định một cách cẩn thận và phải được kiểm tra thường xuyên nhằm tránh sử dụng vốn sai mục đích, lợi dụng vốn vay ưu đãi của chính phủ để đảo nợ, đi ngược lại với mục tiêu kỳ vọng của chính sách. Cấp tín dụng dưới hình thức cho thuê tài chính (CTTC – leasing) sẽ giúp hạn chế được khả năng này. Theo đó, cần phải phát huy vai trò của các công ty CTTC. Theo Quyết định 131, các tổ chức tài chính được tham gia tài trợ cho vay vốn lưu động gồm các ngân hàng thương mại (NHTM) (quốc doanh, ngoài quốc doanh, nước ngoài) và các công ty tài chính. Trong khi đó, các công ty cho CTTC không có vai trò gì trong các chính sách kích cầu hiện hành của Chính phủ. Các công ty CTTC cần phải được xem là nòng cốt trong việc tài trợ vốn đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất cho các doanh nghiệp. Với lợi thế của mình, các công ty CTTC có khả năng tham gia vào tài trợ, thẩm định và giám sát tốt hơn các khoản vốn đầu tư công nghệ, thiết bị của các doanh nghiệp so với các NHTM.

– Thiếu thông tin thị trường, nhà cung cấp thiết bị và trình độ công nghệ cũng là một trong những trở ngại lớn của các doanh nghiệp. Để khắc phục trở ngại này, cần hình thành các tổ đội tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp trong việc lựa chọn và đầu tư công

mua sắm thiết bị công nghệ tại các NHTM, công ty tài chính, công ty CTTC.

– Một vướng mắc khác là có không ít doanh nghiệp hiện đang có số dư nợ tại ngân hàng chưa thể trả vì vậy ngân hàng không thể xem xét (hay rất thận trọng) cho các doanh nghiệp này vay để đầu tư đổi mới công nghệ. Chính phủ cần có cơ chế khoan nợ, giãn nợ hay cơ cấu lại nợ, khuyến khích các ngân hàng cho vay mới đối với các doanh nghiệp có những dự án đầu tư công nghệ thiết thực, được đánh giá hiệu quả. Song song với chính sách này chính phủ cần có chính sách giúp làm giảm rủi ro và tổn thương cho ngân hàng khi tham gia vào việc tái tài trợ vốn cho doanh nghiệp.

– Tăng cường tổ chức và tài trợ tổ chức các hội chợ công nghệ, thiết bị nhằm tạo kênh thông tin và cơ hội tiếp cận thị trường công nghệ cho doanh nghiệp.

– Ban hành danh mục các loại thiết bị, công nghệ nhập khẩu được khuyến khích; từ đó có chính sách giảm thuế, giãn thuế hay miễn thuế nhập khẩu, thuế VAT hàng công nghệ nhập khẩu cho doanh nghiệp.

– Lập quỹ hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ quốc gia để hỗ trợ cho doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới công nghệ nhưng thiếu vốn, thiếu thông

tin, thiếu năng lực quản lý... Quỹ được thành lập trên cơ sở sự tham gia, góp vốn và điều hành bởi các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Quỹ có chức năng bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ lãi suất, hoàn thiện các thủ tục pháp lý về chuyển giao công nghệ và thủ tục vay vốn ngân hàng. Quỹ cần tăng cường tính liên kết với các viện nghiên cứu công nghệ, trường đại học, trung tâm nghiên cứu khoa học để làm cầu nối tư vấn hỗ trợ đầu tư, thông tin, quản lý và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp.

– Chính phủ tiếp tục có chính sách duy trì và đẩy nhanh tiến độ các dự án nghiên cứu, ứng dụng và đầu tư công nghệ hiện đang thực hiện. Mở rộng tài trợ cho các dự án đầu tư mới sử dụng công nghệ hiện đại, ít tiêu hao nhiên liệu, không gây ô nhiễm môi trường.

– Các đợt điều tra khảo sát thực trạng công nghệ của các doanh nghiệp cũng cho thấy thiếu vốn đầu tư chỉ là một nguyên nhân của tình trạng công nghệ lạc hậu mà thôi. Một nguyên nhân khác là không ít các doanh nghiệp Việt Nam chỉ quan tâm đến những lợi ích ngắn hạn trước mắt, trong khi đầu tư công nghệ họ phải bỏ ra một số vốn lớn nhưng lợi ích chỉ thu được trong dài hạn hoặc không rõ ràng. Chẳng hạn, trong khảo sát của VCCI trước đây cho thấy các doanh nghiệp vẫn hài lòng phần nào với những thiết bị và công nghệ của mình để sản xuất ra những sản phẩm dù chưa đạt trình độ tiên tiến nhất, nhưng vẫn được thị trường, nhất là thị trường trong nước, chấp nhận. Chính vì vậy điều quan trọng không kém là phải làm cho các doanh nghiệp thay đổi nhận thức về vai trò và sự cần thiết phải thay đổi công nghệ. Thay đổi nhận thức là một vấn đề không dễ nếu như không có những chính sách thật cụ thể để các doanh nghiệp thấy được những lợi ích thật sự. Các chính sách ưu đãi lãi suất, giảm hay miễn thuế cho các doanh nghiệp đầu tư công nghệ sẽ giúp làm tăng những lợi ích ngắn hạn. Mặc dù các chính sách này cũng làm tăng gánh nặng ngân sách nhà nước trong ngắn hạn nhưng những lợi ích kinh tế dài hạn còn lớn hơn và bền vững hơn.

Đầu tư công nghệ không phải là một việc làm nhất thời mà phải được làm thường xuyên vì trình độ công nghệ sẽ nhanh chóng bị lạc hậu dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ. Do đó cần phải làm sao kết hợp những giải pháp ngắn hạn trên đây với những giải pháp dài hạn hơn.

Chính sách hỗ trợ đầu tư, đổi mới công nghệ càng không phải là một chính sách mang tính phong trào mà phải có điều tiết và định hướng của chính phủ. Tuy nhiên cũng phải nhận thức lại vai trò của chính phủ hiện nay phải là người tạo điều kiện chứ không phải là người lập kế hoạch cho thị trường.

Kết luận

Nếu xem doanh nghiệp là tế bào của nền kinh tế thì để có một nền kinh tế mạnh đòi hỏi phải có một hệ thống doanh nghiệp mạnh. Công nghệ hiện đại là yếu tố cốt lõi mang đến sức mạnh cạnh tranh thực sự cho doanh nghiệp trong một thế giới toàn cầu hóa chứ không phải là những bảo hộ về mặt chính sách hay những lợi thế về mặt tự nhiên nữa. Đầu tư vào khoa học và công nghệ là chiến lược đầu tư khôn ngoan nhất không chỉ vì những lợi ích của thế hệ tương lai mà còn giúp giải quyết những khó khăn hiện nay trong mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam ■

Tài liệu tham khảo:

- ¹ Theo Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 23-01-09, về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất – kinh doanh. Ngày 04-04-2009, Thủ tướng bổ sung Quyết định số 443/QĐ-TTg về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn trung và dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất – kinh doanh, kết cấu hạ tầng. Thực ra Quyết định 443 chỉ là sự điều chỉnh từ Quyết định 131 trên cơ sở mở rộng đối tượng, nguyên tắc và thời hạn hỗ trợ lãi suất. Tuy nhiên tinh thần của Quyết định 443 vẫn chưa tạo ra bước đột phá mới về chính sách.
- ² Bài viết có thể tham khảo tại địa chỉ: <http://web.mit.edu/krugman/www/myth.html>
- ³ Bao gồm cả yếu tố giáo dục. Đầu tư cho giáo dục luôn là sự đầu tư khôn ngoan và có tính dài hạn, thường xuyên trong mọi hoàn cảnh. Trong giới hạn bài phân tích này chúng tôi chỉ tập trung vào yếu tố công nghệ như một “phần cứng” của mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu.
- ⁴ Theo ông Lê Anh Tuấn, Phó ban Quản lý các KCN-KCX TP.HCM. Bài phỏng vấn đăng trên báo VietNamNet ngày 23-03-2009 mang tiêu đề “Đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp có công nghệ lạc hậu”. Bài truy cập tại địa chỉ <http://www.vietnamnet.vn/khoahoc/2009/03/837609/>, truy cập ngày 03-04-2009.
- ⁵ Theo ông Nguyễn Quân, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Nguồn lấy từ <http://www.vnexpress.net/GL/Khoahoc/2008/05/3BA02992/>, ngày 01-04-2009.
- ⁶ Quyết định số 443 của Thủ tướng vừa được ban hành thực ra chỉ là sự mở rộng từ Quyết định 131 trước đó về phạm vi và thời hạn hỗ trợ lãi suất cho các khoản vay trung và dài hạn. Tuy vậy Quyết định 443 phần nào đã thể hiện tầm nhìn dài hạn hơn của các chính sách chống suy giảm kinh tế hiện nay.